

Số: 83 /2025/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 07 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại đối với công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai; phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực và thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13; Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Luật Thanh tra số 84/2025/QH15

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 141/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-TTCP ngày 25/3/2024 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với Ngành Thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-TTCP ngày 30/7/2025 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 1015 /TTr-TTR ngày 27/10/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định quy định về đánh giá, xếp loại đối với công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu

cực và tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về đánh giá, xếp loại đối với công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/11/2025, thay thế Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại đối với công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

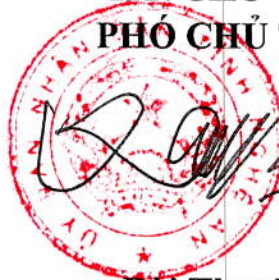
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TD (Thắng).

(Handwritten mark)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An

QUY ĐỊNH

Về đánh giá, xếp loại đối với công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 83 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm đối với trách nhiệm của Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh trong công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc xếp loại thi đua

Đánh giá, xếp loại thi đua đảm bảo tính trung thực, công khai, khách quan, công bằng, dân chủ, thường xuyên theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định này.

Việc đánh giá, xếp loại thi đua đối với các tập thể đơn vị gắn với vai trò, trách nhiệm và kết quả của người đứng đầu (Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bảng tiêu chí tự chấm điểm, xếp loại thi đua

Tiêu chí tự đánh giá, xếp loại đối với Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng theo Phụ lục kèm theo quy định này.

Điều 5. Cách tính điểm

1. Thang điểm tối đa cho hệ thống tiêu chí tự chấm là 100 điểm, trong đó có 10 điểm thưởng và 10 điểm trừ.

2. Điểm số của mỗi tiêu chí căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện nhiệm vụ. Điểm tối đa của tiêu chí được tính trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức cao nhất. Các nhiệm vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc chưa đúng thì không tính điểm cho tiêu chí. Các nhiệm vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc chưa đúng gây ra hậu quả (có văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh, phê bình của cấp trên) sẽ bị trừ số điểm theo quy định trong tổng số điểm.

3. Cá nhân nào không có nhiệm vụ ở mục nào được nhận nguyên điểm nhiệm vụ của mục đó.

Điều 6. Cách xếp loại

Xếp loại hàng năm được chia thành 4 loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ.

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Các cá nhân đạt từ 90 điểm trở lên và không tiêu chí nào đạt dưới 85% số điểm tối đa của tiêu chí đó thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tổng số các cá nhân đạt loại Hoàn thành xuất sắc không vượt quá 20% tổng số các cá nhân được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường hợp bỏ phiếu xếp loại lần 1 tại Hội đồng thi đua, khen thưởng Thanh tra tỉnh có nhiều hơn 20% cá nhân xếp loại Hoàn thành xuất sắc thì Hội đồng thi đua, khen thưởng Thanh tra tỉnh sẽ tiến hành bỏ phiếu các lần tiếp theo để lựa chọn đúng tỷ lệ Hoàn thành xuất sắc đã quy định.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Các cá nhân đạt từ 80 đến dưới 90 điểm và không có tiêu chí nào đạt dưới 80% số điểm tối đa của tiêu chí đó thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Các cá nhân đạt từ 70 đến dưới 80 điểm và không có tiêu chí nào đạt dưới 70% số điểm tối đa của tiêu chí đó thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Các cá nhân đạt dưới 70 điểm.

Điều 7. Quy trình đánh giá, xếp loại

1. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào mức độ hoàn thành các nhiệm vụ tổ chức thực hiện tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của đơn vị mình trong năm để tự đánh giá, cho điểm và tự xếp loại theo bảng tiêu chí và thang điểm tại quy định này, gửi về Hội đồng thi đua, khen thưởng Thanh tra tỉnh trước ngày **05/11** hàng năm. ✓

2. Trên cơ sở bảng tự đánh giá, xếp loại của các đơn vị và quá trình theo dõi, Hội đồng thi đua, khen thưởng Thanh tra tỉnh nghiên cứu, tổ chức kiểm tra, thẩm định đánh giá, chấm điểm, xếp loại đảm bảo tính công bằng, kịp thời, chính xác để phục vụ công tác xếp loại thi đua của toàn tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An tổ chức thực hiện quy định này.

2. Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và triển khai thực hiện cụ thể hàng năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi bổ sung, các đơn vị phản ánh về Thanh tra tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC

Bảng tiêu chí tự đánh giá, xếp loại đối với trách nhiệm của Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã trong công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai; phòng chống tham nhũng, tiêu cực và thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra hàng năm

trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số 83 /2025/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Điểm chuẩn	Đơn vị tự chấm điểm	Giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)	
I	Trách nhiệm trong việc tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai	23		
1	Trách nhiệm trong việc tiếp công dân	11		
a	Bố trí nơi tiếp công dân đảm bảo kang trang, thuận tiện, có phòng tiếp công dân riêng, trang bị đầy đủ các điều kiện vật chất cần thiết.	3		
b	Phân công cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở (1); ban hành Nội quy, Quy chế tiếp công dân (2); Tổng hợp tình hình, kết quả công tác tiếp công dân thuộc phạm vi trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã (3) (mỗi tiêu chí 01 điểm).	3		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
c	Trực tiếp thực hiện tiếp công dân định kỳ tại Trụ sở (Thủ trưởng cơ quan nhà nước mỗi tháng ít nhất một ngày, Chủ tịch UBND cấp xã mỗi tuần ít nhất một ngày) và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định theo khoản 3 Điều 18 Luật Tiếp công dân (có thể ủy quyền cho cấp phó của mình thực hiện trong trường hợp đặc biệt).	3		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
d	Tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; phân loại và chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.	3		

2	Trách nhiệm trong việc xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai	7		
a	Tổ chức việc tiếp nhận, xử lý đơn thư theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền; hướng dẫn công dân khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan có thẩm quyền.	3		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
b	Trực tiếp xem xét, xử lý các đơn thư gửi đến cơ quan, đơn vị mình; phân công, giao việc cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng thẩm quyền.	4		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
3	Phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tiếp công dân và xử lý vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung (Thực hiện không đúng: 0 điểm)	3		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
4	Thực hiện tốt công tác dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn, chủ động các phương án giải quyết và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để thực hiện tốt, có hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nhất là các vụ việc phức tạp, đông người.	2		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
II	Trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai	38		
I	Giải quyết kịp thời, đầy đủ các vụ việc hoặc chỉ đạo các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của mình giải quyết (đạt tỷ lệ 96% trở lên).	10		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
2	Trực tiếp giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai đúng thẩm quyền, quy trình, thủ tục, thời hạn và quy định của pháp luật	8		
3	Có ý kiến bằng văn bản khi có yêu cầu tham gia đóng góp ý kiến hoặc cử người phối hợp với các cơ quan cùng cấp, hoặc cấp trên, cấp dưới đối với những vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai có liên quan đến chức năng, thẩm quyền của mình khi có yêu cầu	2		Chứng minh bằng tài liệu, số liệu cụ thể
4	Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của Thủ trưởng cấp trên trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai theo đúng quy định pháp luật về cán bộ, công chức; pháp luật về khiếu nại, tố cáo, đất đai và các quy định khác	4		Chứng minh bằng tài liệu, số liệu cụ thể

5	<i>Báo cáo kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo do cấp trên chuyển về</i>	4		
6	<i>Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quyết định giải quyết khiếu nại, Kết luận nội dung tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các quy định khác của pháp luật</i>	3		
7	<i>Trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực</i>	7		
	Công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật).	3		Chứng minh bằng tài liệu, số liệu cụ thể
	Xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ; công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	4		Chứng minh bằng tài liệu, số liệu cụ thể
III	Trách nhiệm trong quản lý nhà nước tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai; phòng chống tham nhũng, tiêu cực và thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh, quyết định xử lý về thanh tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	20		
1	<i>Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác tiếp công dân (1); giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, tranh chấp đất đai thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao (2); phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (3); thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh, quyết định xử lý về thanh tra của Chủ tịch UBND tỉnh (4) (mỗi lĩnh vực 01 điểm).</i>	4		Chứng minh bằng tài liệu, số liệu cụ thể
2	<i>Xây dựng chương trình công tác về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hàng năm</i>	4		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
3	<i>Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân; khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho cán bộ và nhân dân thuộc phạm vi quản lý hoặc theo sự phân công, phân cấp của UBND tỉnh (mỗi lĩnh vực 01 điểm).</i>	3		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
4	<i>Thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức làm công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (thực hiện không đúng: 0 điểm).</i>	3		Chứng minh bằng số liệu cụ thể
5	<i>Đảm bảo các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác tiếp công dân, giải quyết</i>	2		Chứng minh bằng số liệu cụ thể

	khiếu nại, tố cáo (<i>thực hiện không đúng: 0 điểm</i>).			<i>thể</i>
6	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo: Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ (<i>tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm</i>) và báo cáo chuyên đề, đột xuất theo yêu cầu.	4		<i>Chứng minh bằng số liệu cụ thể</i>
IV	Tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh, quyết định xử lý về thanh tra của Chủ tịch UBND tỉnh	8		
1	- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. - Có chỉ đạo tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.	4		<i>Chứng minh bằng số liệu cụ thể</i>
2	- Tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung trong kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra của đối tượng thanh tra, của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện. - Thực hiện triệt để các các nội dung trong các kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.	4		<i>Chứng minh bằng số liệu cụ thể</i>
IV	Điểm thưởng	10		
A	Đối với Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh			
1	Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước (<i>ban hành văn bản chỉ đạo, tuyên truyền phổ biến pháp luật, tổ chức cán bộ, đào tạo bồi dưỡng...</i>).	3		
2	Giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc thẩm quyền.	3		
3	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian, chất lượng tốt.	2		
4	Phát hiện vụ việc chuyển cơ quan điều tra.	2		
B	Đối với Chủ tịch UBND cấp xã			
1	- Đơn vị giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc thẩm quyền có số vụ việc chiếm 4% tổng số vụ việc toàn tỉnh trở lên: 03 điểm. - Đơn vị vụ việc chiếm 3% tổng số vụ việc toàn tỉnh trở lên: 02 điểm. - Đơn vị vụ việc chiếm 3% tổng số vụ việc toàn tỉnh trở lên: 02 điểm. - Đơn vị vụ việc chiếm 2% tổng số vụ việc toàn tỉnh trở lên: 01 điểm.	3		
2	Thực hiện tốt công tác quản lý quản lý nhà nước (<i>ban hành văn bản chỉ đạo, tuyên truyền phổ biến pháp luật, tổ chức cán bộ, đào tạo bồi dưỡng...</i>).	3		
3	Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian, chất lượng tốt.	2		

4	Phát hiện vụ việc chuyển cơ quan điều tra.	2		
V	Điểm trừ	10		
1	Không thực hiện, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền để gây ra hậu quả (có văn bản nhắc nhở, phê bình của cấp trên).	3		
2	Không trực tiếp tiếp công dân (không ủy quyền hoặc ủy quyền cho người không có thẩm quyền) dẫn đến xảy ra các điểm nóng. - 02 kỳ trừ 0,5 điểm. - 03 kỳ trừ 1 điểm. - 04 kỳ trở lên trừ 2 điểm.	2		
3	Giải quyết chậm; không đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền (có văn bản nhắc nhở, phê bình của cấp trên).	2		
a	Đối với đơn vị có tổng dưới 10 vụ việc/năm, cứ 01 vụ việc bị trừ 02 điểm.			
b	Đối với đơn vị có tổng trên 10 vụ việc/năm, cứ mỗi vụ việc bị trừ 1 điểm.			
3	Không thực hiện chương trình công tác về PCTN hàng năm.	2		
4	Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra, bị Thanh tra tỉnh có văn bản nhắc nhở.	2		
	Cộng	100 điểm		